TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HN&GĐ - ST
Ngày: 30/10/2019
Về việc tranh chấp:
"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1.Ông Nguyễn Hồng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Thanh
- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.
- *Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Bà Lê Phương Thùy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia & đình thụ lý số: 222/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, về việc tranh chấp " Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX - ST ngày 27/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/QĐHPT ngày 16/10/2019, giữa các đươngsự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hải Y, sinh năm 1998

ĐKHKTT: Xóm 11, xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị Đơn: Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1995

ĐKHKTT: Xóm 11, xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

(có mặt chị Y, vắng mặt anh L tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/7/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Hải Y trình bày: Chị và anh Trần Ngọc L kết hôn năm 2017, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên.

Sau khi kết hôn, chị về gia đình anh L làm dâu, chung sống cùng bố mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khi chị sinh con năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là về tình cảm do chồng chị có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị cũng đã khuyên bảo nhưng anh L cho rằng, anh yêu ai, quan hệ với ai là quyền của anh. Chị cũng đã nhờ gia đình chồng nói chuyện với anh L nhưng gia đình cũng không hề can thiệp mà còn đứng về phía chồng chị, thậm chí không hề khuyên bảo anh L khi anh L công khai đưa người phụ nữ đó về nhà. Do mâu thuẫn nên chị đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ ở và làm đơn ly hôn anh L năm 2018. Quá trình giải quyết tại Tòa án, do anh L hứa sửa chữa nên chị đã rút đơn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng sau đó cũng không hề được cải thiện, anh L vẫn thể hiện thái độ và hành động không tôn trọng chị như đã hứa nên chị tiếp tục có đơn ly hôn. Sau khi chị có đơn, anh L lại hứa hẹn sẽ sửa chữa nên chị đã có đơn tạm dừng giải quyết để kiểm chứng lời nói và hành động của anh L. Thời điểm này, chị và anh L ly thân đã hơn 01 năm, chị xác định tình cảm không còn do thời gian anh chị ly thân đã lâu, bên cạnh đó anh Luân không có thiện chí sửa chữa lỗi lầm như đã hứa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, chấm dứt cuộc sống không có hạnh phúc với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có một con chung cháu Trần Khánh L, sinh ngày 13/01/2018. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung vì hiện tại cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Ngọc L trình bày:

Về thời gian kết hôn, quá trình kết hôn như chị Yến trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh tại xóm 11, xã Phúc Tân khoảng 2 tháng, sau đó vợ chồng ra ngoài Thành phố Thái Nguyên mở hàng ăn sáng nhưng chỉ được một thời gian ngắn do kinh doanh thua lỗ nên phải đóng cửa. Vợ chồng lại tiếp tục về nhà bố mẹ đẻ chị Y ở Đại Từ, Thái Nguyên sinh sống và làm ăn. Từ khi về ở nhà ngoại, chị Y không về gia đình anh nữa với lý do chê gia đình anh ở rừng, không có điều kiện nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Đến khi chị Y sinh con, vợ chồng mới trở về nhà nội ở nhưng lúc đó, công việc của anh thường đi làm xa, không quan tâm đến gia đình. Do đó, chị Y đã làm đơn xin ly hôn anh vào năm 2018, khi được hòa giải chị Y rút đơn để đoàn tụ. Sau khi rút đơn, chị Y vẫn không quay về nhà chồng mà bắt anh phải ở rể, anh không đồng ý nên vợ chồng ly thân. Đến nay chị Y có đơn xin ly hôn anh, anh không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh có 01 con chung cháu Trần Khánh L, sinh ngày 13/01/2018. Khi ly hôn, do con còn nhỏ nên anh nhất trí để chị Y trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đứng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Y được ly hôn anh L.

+ Về con chung: Khi ly hôn, chị Yến có nguyện vọng được nuôi con. Chị Y hiện đang làm tại Công ty TNHH Hansol Electronics VN với mức lương từ 06-07 triệu đồng/tháng nên có khả năng để nuôi con. Cháu Trần Khánh Ly hiện dưới 36 tháng tuổi, do vậy cần giao con cho chị Yến trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Trần Khánh Ly (SN 13/01/2018) cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh L cho đến khi chị Y có yêu cầu. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị Nguyễn Hải Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn chị Nguyễn Hải Y khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn Anh Trần Ngọc L cả hai có đăng ký nhân khẩu thường trú tại xóm 11, xã Phúc Tân, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân & gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh Luân viết bản tự khai nhưng anh L không chấp hành, không ký vào biên bản lấy lời khai do Tòa án lập. Tại phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh L đã được tống đạt hợp lệ thông báo phiên hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do do vậy việc hòa giải không thành. Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên căn cứ Điều 220 Bộ luật TTDS 2015, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần 1, anh L vắng mặt không có lý do, HĐXX đã căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh L tiếp tục vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Ngọc L.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Yến, HĐXX nhận thấy: Chị Nguyễn Hải Y và anh Trần Ngọc L tự nguyện kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Phúc Tân vào ngày 10/3/2017 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. chị Y cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhưng không được. Gia đình anh L biết sự việc nhưng không khuyên bảo con trai từ bỏ. Do mâu thuẫn nên chị cũng đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và làm đơn ly hôn anh L, sau đó do anh L hứa sẽ sửa đổi nên chị lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên sau khi rút đơn, cuộc sống vợ chồng không được cải thiện, anh L vẫn tiếp tục coi thường chị, không thực hiện lời hứa do vậy, chị lại tiếp tục gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án. Phía bị đơn anh L thì cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm, không quan tâm được đến gia đình, vợ con. Bên cạnh đó, từ khi anh chị về nhà ngoại ở, bản thân chị Y chê gia đình anh ở rừng, điều kiện khó khăn nên không muốn về nhà anh ở, bắt anh phải ở rể. Vì không thống nhất được nên vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị Y xin ly hôn, anh cũng không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 30/7/2019 bà Hà Thị T – là mẹ đẻ của anh Trần Ngọc L đã cung cấp cho Tòa án: bà xây dựng gia đình cho anh L, chị Y năm 2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với gia đình bà một thời gian ngắn thì ra ngoài thành phố Thái Nguyên làm ăn nhưng do không làm ăn được nên cả hai lại về nhà ngoại ở và làm ăn tại Đại Từ, Thái Nguyên đến khi sinh con thì bà lại đón về nhà chăm sóc, anh chị vẫn đi đi, về về cả hai bên nội ngoại, cuộc sống không có gì mâu thuẫn nặng nề. Đến đầu năm 2018, anh chị xin ra ăn riêng nhưng bà không đồng ý vì gia đình neo người. Tháng riêng năm 2018, gia đình thông gia (mẹ đẻ chị Y) có sang xin phép bà cho chị Yến và cháu sang bên ngoại chơi ít hôm, nhưng từ khi chị Y đi và không về lại gia đình nhà chồng. Bà cũng có sang hỏi chuyện nhưng bố mẹ chị Yến không hợp tác, chị Y cũng tuyên bố không về nhà bà nữa. Lý do như thế nào thì bà cũng không biết. Thời gian anh chị ly thân đến nay vào khoảng 2 năm.

Quá trình hòa giải tại Tòa án, anh L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý lo. Điều đó cho thấy rằng anh không có thiện chí trong việc hàn

gắn tình cảm vợ chồng, gây khó khăn cho chị Y trong việc giải quyết ly hôn. Trên thực tế anh chị cũng đã ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn với anh L. Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, HĐXX thấy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y đối với anh L là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung:* Với quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung tên Trần Khánh L, sinh ngày 13/01/2018. Tại phiên tòa chị Yến vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con và xuất trình chứng cứ chứng minh đảm bảo yêu cầu nuôi con bởi chị là công nhân khu công nghiệp Điềm Thụy, mức thu nhập từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng (căn cứ vào sao kê tài khoản có xác nhận tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Đại Từ, Thái Nguyên thì số tiền trong tài khoản của chị Y các tháng liền kề 3, 4, 5 đến tháng 9/2019 trung bình 7.500.000đ/tháng).

Tại biên bản lấy lời khai của anh L ngày 10/7/2019, anh L thể hiện quan điểm nhất trí để chị Y nuôi con, tuy nhiên, tại phiên tòa ngày hôm nay, anh L vắng mặt không có lý do. Xét thấy cháu Trần Khánh L đến thời điểm xét xử chưa đủ 36 tháng tuổi, bên cạnh đó, chị Y vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Do vậy, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L cho đến khi có yêu cầu.

[5]. *Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung:* Không có, không đặt ra việc giải quyết.

[6]. *Án phí:* chị Nguyễn Hải Y chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Điều 131, Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, giải quyết về con chung của chị Nguyễn Hải Y với anh Trần Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hải Y được ly hôn anh Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Khánh L, sinh ngày 13/01/2018 cho chị Nguyên Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Y không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L cho đến khi chị Y có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung vợ chồng, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Hải Y phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0004398 ngày 01/7/2019.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Y, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Phúc Tân;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà